

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **163/2021/DS-ST**

Ngày: 16-11-2021

V/v tranh chấp Hợp đồng
tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bé Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Nam

2. Bà Huỳnh Thị Thúy Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Ký, là Thư ký Tòa án, của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa:
Ông Dương Chí Thanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 158/2021/TLST-DS, ngày 08 tháng 6 năm 2021 về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 392/2021/QĐXXST-DS, ngày 25 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân Hàng TMCP A. Địa chỉ: đường N, phường 5, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh;

Do ông Đỗ Minh T - Tổng Giám đốc đại diện theo pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Vũ Thị Anh Đ - Giám đốc Phòng quản lý nợ (Theo Giấy ủy quyền số 428/UQ-QLN.19, ngày 26 tháng 6 năm 2019).

Bà Vũ Thị Anh Đ ủy quyền lại cho bà Huỳnh N - Nhân viên xử lý nợ Ngân Hàng TMCP A. Địa chỉ liên hệ: Lầu 09, đường T, phường MX, thành phố LX, tỉnh An Giang. Theo Giấy ủy quyền 1433/UQ-QLN.21, ngày 14/10/2021 của Ngân Hàng TMCP A.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh Ph, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1958. Cùng địa chỉ: khóm Đ, phường M, thành phố LX, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa có mặt bà Huỳnh N, bà Nguyễn Thị H; vắng mặt ông Nguyễn Thanh Ph.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 5 năm 2021 thể hiện nội dung và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

Ngày 15/11/2017, Ngân Hàng TMCP A và bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Thanh Ph có ký Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số ANG.CN.49.151117; Biên bản thỏa thuận số ANG.CN.49.151117/BBTT-01. Sau đó ngày 12/11/2019 Ngân Hàng TMCP A có ký kết với bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thanh Ph Hợp đồng cấp tín dụng (áp dụng cho vay theo hạn mức tín dụng/bảo lãnh/chiết khấu) số ANG.CN.108.121119; phụ lục Hợp đồng số ANG.CN.108.121119/PL-01. Theo nội dung thỏa thuận của hợp đồng thì:

- Số tiền vay là: 300.0000.000đồng (Ba trăm triệu đồng);
- Mục đích cho vay: Sản xuất kinh doanh, bổ sung vốn lưu động, bổ sung vốn kinh doanh mua bán phụ tùng xe gắn máy đã qua sử dụng;
- Phương thức cho vay: Theo hạn mức cấp tín dụng;
- Thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng: Tối đa 12 tháng, kể từ ngày hợp đồng cấp tín dụng (12/11/2019);
- Thời hạn cho vay: Được ghi trên mỗi khế ước nhận nợ và tối đa không quá 12 tháng, kể từ ngày kế tiếp của ngày giải ngân;
- Lãi suất trong hạn: Được quy định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể;
- Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn;
- Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm.

Ngày 12/11/2019 Ngân hàng đã giải ngân cho bà H và ông Ph số tiền 300.000.000đồng (Ba trăm triệu đồng) theo khế ước nhận nợ số 296032029, ngày 12/11/2019. Phương thức giải ngân: Chuyển số tiền giải ngân và tài khoản thanh toán số 195834369 của Nguyễn Thị H tại Ngân hàng Á Châu; ngày giải ngân: 12/11/2019; thời hạn cho vay: 12 tháng kể từ ngày 13/11/2019 đến ngày 12/11/2020; lãi suất trong hạn 10%/năm, lãi suất cho vay được cố định trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày kế tiếp ngày bên được cấp tín dụng nhận tiền vay, lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức (lãi suất cho vay (%/năm)=LS13 + 4,40%/năm); lãi suất quá hạn 150%/năm; lãi suất phạt chậm trả lãi 10%/năm.

Ngoài số tiền được giải ngân nêu trên thì Ngân Hàng TMCP A còn cấp cho bà H một thẻ tín dụng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng của bà Nguyễn Thị H ký ngày 07/8/2019; bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín của Ngân Hàng TMCP A. Các thông tin cụ thể liên quan đến thẻ tín dụng như sau:

- Số thẻ: 9704163100093109;
- Loại thẻ: ACB Express (Thẻ tín dụng nội địa);

- Ngày cấp: 07/8/2019;
- Hiệu lực thẻ: Tháng 8/2021;
- Hạn mức thẻ: 30.000.000đồng (Ba mươi triệu đồng);
- Lãi suất (trong hạn, quá hạn), phí: Theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ACB.

Các khoản vay trên được bảo đảm bằng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số ANG.BĐCN.11.101118, ngày 15/11/2018 ký giữa Ngân Hàng TMCP A và ông Nguyễn Thanh Ph, bà Nguyễn Thị H. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đã được Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.05770eA, ngày 10/02/2009 cho Nguyễn Thanh Ph, Nguyễn Thị H. Hợp đồng thế chấp được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Long Xuyên ngày 15/11/2018.

Đến ngày 12/11/2020 khoản vay của khế ước nhận nợ số 296032029, ngày 12/11/2019 đã hết thời hạn cho vay nhưng ông Ph và bà H không thanh toán nợ vay cho ngân hàng. Do đó, tính kể từ ngày 13/11/2020 toàn bộ khoản vay còn lại theo khế ước này đã chuyển sang nợ quá hạn.

Đồng thời, ngày 09/3/2021, ngân hàng ra thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ nợ thẻ chưa thanh toán của thẻ tín dụng số 9704163100093109 do thuộc trường hợp bà H có khoản vay khác tại ngân hàng bị chuyển nợ quá hạn.

Tính đến ngày 26/4/2021 ông Ph và bà H còn nợ ngân hàng các khoản nợ như sau:

1/ Nợ theo khế ước nhận nợ số 296032029, ngày 12/11/2019 là 322.201.652đồng, trong đó: Vốn gốc 297.197.261đồng, lãi trong hạn 2.712.329đồng, lãi quá hạn 22.170.193đồng và phạt chậm trả lãi 121.869đồng;

2/ Nợ theo thẻ tín dụng số 9704163100093109 ngày 07/8/2019 là 27.078.335đồng, trong đó: Vốn gốc 26.048.133đồng, lãi quá hạn 1.030.202đồng.

Do đó, ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Buộc ông Ph và bà H trả cho ngân hàng tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 26/4/2021 là 349.279.987đồng. Trong đó: Vốn gốc là 323.245.394đồng, lãi trong hạn 2.712.329đồng, lãi quá hạn 23.200.395đồng, phạt chậm trả lãi 121.869đồng;

- Ông Ph và bà H còn tiếp tục trả tiền lãi, phạt chậm trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại các thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung, hợp đồng cấp tín dụng, khế ước nhận nợ, giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng, tính kể từ ngày 27/4/2021 đến ngày trả hết nợ;

- Thự tự trả nợ: Vốn gốc, phạt chậm trả lãi, lãi quá hạn, lãi trong hạn;

- Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số ANG.BĐCN.11.101118, ngày 15/11/2018 và cam kết thế chấp tài sản ngày 12/11/2019 để đảm bảo cho việc thi hành án thu hồi nợ cho ngân hàng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H không có văn bản trình ý kiến tuy nhiên tại buổi hòa giải ngày 25 tháng 10 năm 2021 bà H thể hiện ý kiến trình bày.

Bà xác định có ký các hợp đồng tín dụng, thế chấp và còn nợ các khoản nợ gốc, lãi như nội dung khởi kiện của Ngân hàng. Tuy nhiên hiện tại bà chưa có khả năng thanh toán ngay số tiền này cho Ngân hàng. Do đó, bà đề nghị Ngân hàng cho bà thời gian một năm để tìm phương án trả nợ và xin Ngân hàng miễn lãi cho bà từ ngày 25/10/2021 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh Ph không có văn bản trình bày ý kiến; vắng mặt không tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa ngày 16/11/2021:

- Nguyên đơn yêu cầu ông Ph và bà H liên đới nghĩa vụ trả cho ngân hàng tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 16/11/2021 là 381.310.382đồng. Trong đó: Vốn gốc là 323.245.394đồng, lãi trong hạn 35.763.983đồng, lãi quá hạn 22.027.544đồng, phạt chậm trả lãi 273.462đồng; ông Ph và bà H còn tiếp tục trả tiền lãi, phạt chậm trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại các thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung, hợp đồng cấp tín dụng, khế ước nhận nợ, giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng, tính kể từ ngày 17/11/2021 đến ngày trả hết nợ; thứ tự trả nợ: Vốn gốc, phạt chậm trả lãi, lãi quá hạn, lãi trong hạn; tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số ANG.BĐCN.11.101118, ngày 15/11/2018 và cam kết thế chấp tài sản ngày 12/11/2019 để đảm bảo cho việc thi hành án thu hồi nợ cho ngân hàng.

- Bị đơn bà H: Thừa nhận có nợ tiền gốc và lãi như đại diện Ngân hàng trình bày nhưng yêu cầu Ngân hàng cho thời gian một năm để tìm phương án trả nợ và xin Ngân hàng miễn lãi cho bà từ ngày 25/10/2021 cho đến khi thanh toán hết nợ.

- Bị đơn ông Nguyễn Thanh Ph vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn Nguyễn Thị H thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn Nguyễn Thanh Ph chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của

Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân Hàng TMCP A khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Thanh Ph, bà Nguyễn Thị H trả nợ vay theo Hợp đồng tín dụng. Ông Ph, bà H có nơi cư trú tại thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Ngân hàng ủy quyền cho bà Huỳnh N. Việc ủy quyền phù hợp với quy định pháp luật. Do đó, bà Như tham gia với tư cách người đại diện theo ủy quyền cho Ngân Hàng TMCP A theo quy định tại khoản 4 Điều 85 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Bị đơn ông Nguyễn Thanh Ph vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự: Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông Ph.

[3] Về nội dung vụ án:

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà H, ông Ph có nghĩa vụ trả số tiền 381.310.382đồng. Trong đó:

- 349.760.532đồng của Hợp đồng tín dụng số ANG.CN.108.121119, ngày 12/11/2019. Bao gồm: Nợ gốc 297.197.261đồng; lãi trong hạn 35.763.983đồng; lãi phạt 273.462đồng; lãi quá hạn 16.525.827đồng.

- 31.549.850đồng của Thẻ tín dụng ngày 07/8/2019. Bao gồm: Nợ gốc 26.048.133đồng; lãi quá hạn 5.501.717đồng.

Tiếp tục duy trì lãi suất kể từ ngày 17/11/2021 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp để bảo đảm tài sản thi hành án.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng bà H yêu cầu được trả dần và miễn lãi tuy nhiên Ngân hàng không đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét yêu cầu của bà.

Ông Ph không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nên Hội đồng xét xử cũng không có cơ sở xem xét yêu cầu của ông.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp và ý kiến của bà Nguyễn Thị H có cơ sở xác định giữa Ngân Hàng TMCP A và bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Thanh Ph có ký hợp đồng tín dụng số ANG.CN.108.121119, ngày 12/11/2019 để vay số tiền 300.000.000đồng.

Tại phiên tòa: Bà H cũng thừa nhận đến ngày 16/11/2021 vợ chồng bà còn nợ lại số tiền gốc là 297.197.261 đồng; lãi trong hạn 35.763.983 đồng; lãi phạt 273.462 đồng; lãi quá hạn 16.525.827 đồng của Hợp đồng tín dụng số ANG.CN.108.121119, ngày 12/11/2019. Do đó, yêu cầu của Ngân hàng buộc bà H và ông Ph liên đới nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc và lãi của hợp đồng tín dụng này là có cơ sở nên được chấp nhận.

Đối với số tiền 31.549.850 đồng còn nợ lại của Thẻ tín dụng ngày 07/8/2019 mà Ngân Hàng TMCP A ký với bà Nguyễn Thị H. Bao gồm: Nợ gốc 26.048.133; lãi quá hạn 5.501.717 đồng. Ngân hàng yêu cầu ông Ph liên đới nghĩa vụ trả nợ với bà H. Mặc dù, ông Ph không trực tiếp ký hợp đồng vay số tiền này với bà H nhưng thời điểm bà H vay số tiền này ông Ph và bà H vẫn là vợ chồng hợp pháp và mục đích bà H sử dụng số tiền này cũng để đáp ứng các nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do đó, yêu cầu buộc ông Ph liên đới nghĩa vụ trả nợ là có cơ sở nên được chấp nhận.

Căn cứ vào thỏa thuận giữa các bên trong các hợp đồng đã ký kết ông Ph, bà H còn phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh cho đến khi thanh toán xong khoản nợ trên. Do đó, yêu cầu tiếp tục duy trì lãi suất kể từ ngày 17/11/2021 cho đến khi thanh toán xong nghĩa vụ là có cơ sở nên được chấp nhận.

Đối với yêu cầu duy trì hợp đồng thế chấp số ANG.BĐCN.11.101118, ngày 15/11/2018. Hợp đồng được Ngân Hàng TMCP A và ông Ph, bà H xác lập, có chứng nhận của Văn phòng Công chứng Huỳnh Thị Nào vào ngày 15/11/2018 và được đăng ký tại Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Long Xuyên ngày 15/11/2018. Nghĩa vụ được bảo đảm theo nội dung hợp đồng hai bên ký kết quy định tại Điều 3 là:

“1. Toàn bộ các nghĩa vụ trả nợ của bên được cấp tín dụng với ACB (gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí, các khoản phải trả khác) theo các hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng hoặc cam kết bảo lãnh, kể cả trường hợp phát sinh sau thời điểm ký hợp đồng này, và các thỏa thuận kèm theo hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng hoặc cam kết bảo lãnh, tất cả các hợp đồng sửa đổi, bổ sung, phụ lục, hợp đồng cấp tín dụng, khế ước nhận nợ, các cam kết của bên được cấp tín dụng được ACB cấp tín dụng với hình thức khác (chiết khấu, cấp thẻ tín dụng, mở L/C...) và các thỏa thuận, cam kết khác của bên được cấp tín dụng với ACB”

2.....

3. Các nghĩa vụ được bảo đảm là các nghĩa vụ của bên được cấp tín dụng với ACB bao gồm cả các nghĩa vụ phát sinh trước hoặc sau thời điểm ký hợp đồng này”.

Hợp đồng thế chấp giữa hai bên được ký kết đúng quy định pháp luật và nội dung bảo đảm bao gồm cả nghĩa vụ phát sinh sau thời điểm ký hợp đồng thế chấp do đó yêu cầu duy trì hợp đồng thế chấp để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ của ông Ph, bà H là có cơ sở nên được chấp nhận. Tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất đã được Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

số H.05770eA, ngày 10/02/2009 cho ông Nguyễn Thanh Ph, bà Nguyễn Thị H với tổng diện tích 79,1m²; loại đất ở tại đô thị; thửa đất số 25, tờ bản đồ số 19, tại phường Mỹ Phước, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: 500.000đồng.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ vào Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự bị đơn phải có nghĩa vụ chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Ngân hàng đã tạm ứng nên ông Ph, bà H có nghĩa vụ hoàn lại 500.000đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ cho Ngân hàng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Ph, bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, ông Ph và bà H là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn án phí nên căn cứ vào khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Hội đồng xét xử miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Ph, bà H.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 85, khoản 4 Điều 147, 157, 186, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 463, 464 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

- Điều 27 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Điểm đ Khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân Hàng TMCP A: Buộc ông Nguyễn Thanh Ph, bà Nguyễn Thị H liên đới nghĩa vụ trả số tiền 381.310.382đồng (Ba trăm tám mươi một triệu, ba trăm mười nghìn, ba trăm tám mươi hai đồng). Trong đó:

- 349.760.532đồng của Hợp đồng tín dụng số ANG.CN.108.121119, ngày 12/11/2019. Bao gồm: Nợ gốc 297.197.261đồng; lãi trong hạn 35.763.983đồng; lãi phạt 273.462đồng; lãi quá hạn 16.525.827đồng.

- 31.549.850đồng của Thẻ tín dụng số 9704163100093109 ngày 07/8/2019.
Bao gồm: Nợ gốc 26.048.133; lãi quá hạn 5.501.717đồng.

Kể từ ngày 17/11/2021 ông Ph, bà H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp số ANG.BĐCN.11.101118, ngày 15/11/2018 để bảo đảm cho việc thi hành án tài sản bảo đảm: Quyền sử dụng đất đã được Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.05770eA, ngày 10/02/2009 cho ông Nguyễn Thanh Ph, bà Nguyễn Thị H với tổng diện tích 79,1m²; loại đất ở tại đô thị; thửa đất số 25, tờ bản đồ số 19, tại phường Mỹ Phước, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

2/ Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Ph và bà H có nghĩa vụ hoàn lại cho Ngân Hàng TMCP A 500.000đồng (Năm trăm nghìn đồng).

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà H, ông Ph được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân Hàng TMCP A được nhận lại 8.732.000đồng (Tám triệu, bảy trăm ba mươi hai nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000467, ngày 07 tháng 6 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên.

4/ Về quyền kháng cáo: Ngân Hàng TMCP A, bà Nguyễn Thị H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Nguyễn Thanh Ph được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPLX;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPLX;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Bé Thu

